

# ĐỘNG CƠ THÀNH ĐẠT TRONG HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CỦA TRÍ THỨC HIỆN NAY

---

Lã Thu Thủy

*Viện Tâm lý học.*

## 1. Đặt vấn đề

Nghị quyết 27/NQ-TW ngày 6/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã khẳng định: Trong mọi thời đại, trí thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, tầng lớp trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức, là nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển. Đồng thời, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X cũng đề ra mục tiêu đến năm 2020 xây dựng tầng lớp trí thức lớn mạnh, đạt chất lượng cao, số lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ của trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Để có thể hiện thực hoá được mục tiêu này một cách hiệu quả cần có những nghiên cứu mang tính chiến lược về đội ngũ trí thức nước ta hiện nay, trong đó có việc đánh giá trí thức trong hoạt động nghề nghiệp của họ. Nghiên cứu động cơ thành đạt nghề nghiệp của trí thức là một hướng nghiên cứu như vậy. Trong nghiên cứu này, động cơ thành đạt của trí thức được xem xét thông qua ba khía cạnh: sự nỗ lực thành đạt vươn tới những mục đích khác nhau, tính bền vững của những nỗ lực và tính cạnh tranh trong hoạt động nghề nghiệp.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

*Phương pháp nghiên cứu chính:* điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu.

*Khách thể nghiên cứu bao gồm:* 1528 trí thức - những người nghiên cứu khoa học, giảng viên đại học, các nhà quản lý xã hội, bác sĩ, văn nghệ sĩ... đang làm việc tại các thành phố: Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khảo sát được tiến hành từ tháng 7/2008 đến tháng 12/2008.

*Cách thức phân tích kết quả nghiên cứu:* Việc phân tích các khía cạnh khác nhau của động cơ thành đạt nghề nghiệp dựa trên cơ sở xem xét kết quả tự đánh giá của khách thể về các khía cạnh được nghiên cứu. Thang đo đánh giá mỗi khía cạnh của động cơ thành đạt gồm các mệnh đề hỏi khác nhau. Mỗi mệnh đề có 5 phương án trả lời khác nhau, mỗi phương án trả lời được lượng hoá theo thang điểm từ 1 đến 5. Điểm trung bình (ĐTB) của mỗi thang đo được sử dụng để đánh giá mức độ đạt được là cao hay thấp của khía cạnh được nghiên cứu. Ví dụ: sự nỗ lực thành đạt của trí thức trong hoạt động nghề nghiệp được xác định trên cơ sở xem xét 8 mệnh đề đưa ra tại bảng 1 dưới đây. ĐTB chung của 8 mệnh đề này được dùng để đánh giá mức độ nỗ lực trong hoạt động nghề nghiệp của trí thức dựa trên cơ sở tự đánh giá của khách thể nghiên cứu thường mang tính chủ quan, song với cách thiết kế bảng hỏi theo kiểu thang đo chứa đựng nhiều mệnh đề hỏi liên quan đến cùng một vấn đề nghiên cứu và các mệnh đề trong thang đo có hệ số tương quan lẫn nhau và hệ số tin cậy chấp nhận được về mặt thống kê (hệ số tương quan giữa một mệnh đề với các mệnh đề khác của thang đo trong nghiên cứu này lớn hơn 0,3 và hệ số tin cậy của toàn thang đo lớn hơn 0,65), ở mức độ nhất định đã hạn chế được nhược điểm này. ĐTB thang đo càng cao thì khía cạnh động cơ thành đạt được đánh giá là thể hiện càng rõ và ngược lại. Việc phân chia mức độ động cơ thành đạt chỉ có ý nghĩa tương đối và chỉ áp dụng cho mẫu khách thể tham gia khảo sát này.

Các nội dung khác của động cơ thành đạt cũng được phân tích theo cách tương tự.

### **3. Kết quả nghiên cứu**

#### **3.1. Nỗ lực thành đạt trong hoạt động nghề nghiệp của trí thức nước ta hiện nay**

Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở bảng 1.

Nhìn chung, sự nỗ lực trong hoạt động nghề nghiệp của trí thức đạt là khá, thể hiện ở chỗ, phần lớn họ (92,5%) đã cố gắng để hoàn thành tốt công việc được giao, trong công việc họ đã xác định rõ các mục tiêu để phấn đấu đạt được những mục tiêu đó (84,4%) và phấn đấu để đạt được những gì mà họ có thể làm (84,45%), nhưng trong số họ cũng không ít người hay nản chí và thiếu quyết tâm (19,6%) hoặc làm việc với mức độ nỗ lực vừa phải (khoảng 1/5 số người). Vì vậy, nhìn tổng thể hiệu quả công việc của họ cũng chỉ đạt mức khá (ĐTB = 3.88).

**Bảng 1: Đánh giá về sự nỗ lực trong công việc của trí thức**

| Nội dung các mệnh đề   | Tỷ lệ % số người lựa chọn các phương án trả lời |                        |                   |                  |                | ĐTB         | Độ lệch chuẩn |
|--|---|------------------------|-------------------|------------------|----------------|-------------|---------------|
|  | Không đúng                                      | Phần lớn là không đúng | Nửa đúng, nửa sai | Phần lớn là đúng | Hoàn toàn đúng |             |               |
| Trong công việc tôi là người hay nản chí và thiếu quyết tâm*               | 25.3  | 29.9                   | 25.2              | 13.8             | 5.8            | 4.27        | 0.97          |
| Tôi có những mục tiêu được xác định rõ ràng và phấn đấu vì mục tiêu        | 2.4   | 2.9                    | 10.3              | 41.6             | 42.8           | 4.09        | 0.93          |
| Tôi làm việc cật lực nhằm đạt được mục tiêu đề ra                          | 2.3   | 5.1                    | 17.6              | 46.3             | 28.7           | 3.94        | 0.93          |
| Tôi không thích những công việc phải bỏ nhiều công sức*                    | 25.3  | 29.9                   | 25.2              | 13.8             | 5.8            | 3.55        | 1.17          |
| Trong công việc, tôi cố gắng phấn đấu đạt được tất cả những gì mình có thể | 2.4   | 2.9                    | 10.3              | 41.6             | 42.8           | 4.19        | 0.91          |
| Khi làm việc tôi luôn cố gắng làm thật tốt                                 | 1.1   | 1.1                    | 5.3               | 33.5             | 59.0           | 4.48        | 0.74          |
| Trong công việc tôi cố gắng hoàn thiện đến từng chi tiết                   | 1.1   | 3.2                    | 18.2              | 47.9             | 29.6           | 4.02        | 0.84          |
| Tôi làm việc có hiệu quả và luôn hoàn thành công việc                      | 2.4   | 2.8                    | 21.0              | 52.0             | 21.8           | 3.88        | 0.86          |
| <b>ĐTB thang đo</b>  |   |                        |                   |                  |                | <b>4.08</b> | <b>0.48</b>   |

*Ghi chú: Điểm trung bình được tính theo thang đánh giá từ 1 đến 5, trong đó 1 ứng với hoàn toàn không đúng; 5 ứng với hoàn toàn đúng. Những mệnh đề có dấu (\*) khi tính điểm trung bình đã được đổi điểm ngược lại so với các mệnh đề khác.*

Một điểm rất đáng chú ý là những nỗ lực của trí thức hướng tới cả hai mục đích: vươn tới những thành tích cao hơn, đồng thời để né tránh thất bại (để tránh cảm thấy thua kém người khác). Nếu như khoảng hơn 80% số người nỗ lực để có được sự am hiểu sâu hơn trong chuyên môn, để đạt được những mục tiêu cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp thì cũng có khoảng hơn 40% số người nỗ lực để tránh cảm thấy bị thất bại. Vì vậy, không ít người (khoảng hơn 50%) không sẵn sàng chấp nhận những công việc mạo hiểm để thử sức mình hoặc để khỏi bị đánh giá thấp.

**Bảng 2: Mục đích vươn tới của trí thức trong hoạt động nghề nghiệp**

| Nội dung các mệnh đề   | Tỷ lệ % số người lựa chọn các phương án trả lời |                        |                   |                  |                |
|--|---|------------------------|-------------------|------------------|----------------|
|  | Không đúng                                      | Phần lớn là không đúng | Nửa đúng, nửa sai | Phần lớn là đúng | Hoàn toàn đúng |
| Trong công việc thường cố gắng để không cảm thấy bị thất bại*              | 3.6   | 3.8                    | 5.0               | 39.6             | 48.0           |
| Am hiểu trong công việc là mục đích vươn tới                               | 1.9   | 1.9                    | 7.3               | 36.7             | 52.2           |
| Không nhận những việc mà ngay từ đầu cảm thấy khó thành công*              | 10.2  | 18.1                   | 30.9              | 24.0             | 16.8           |
| Nhiều khi cố gắng vì muốn thử sức mình                                     | 5.2   | 7.7                    | 18.0              | 46.7             | 22.4           |
| Không thích bị người khác đánh giá*  | 15.2  | 18.0                   | 31.3              | 21.0             | 14.5           |
| Phấn đấu để đạt được sự am hiểu sâu trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình    | 1.6   | 1.2                    | 6.4               | 39.7             | 51.1           |
| Phấn đấu để ngày càng đạt được mục tiêu cao hơn trong nghề nghiệp của mình | 1.5   | 2.1                    | 9.7               | 42.3             | 44.4           |

### 3.2. Tính bền vững của động cơ thành đạt

Tính bền vững của động cơ thành đạt nghề nghiệp là một trong những yếu tố xác định độ bền của tính tích cực trong hoạt động nghề nghiệp nhằm đạt được mục tiêu đặt ra. Kết quả nghiên cứu cho thấy: nhìn chung, tính bền vững của động cơ thành đạt nghề nghiệp của trí thức đạt mức khá. Nó được thể hiện ở các đặc trưng cụ thể như: liên tục cố gắng trong công việc (83.6%), luôn làm đến cùng công việc được giao (85.5%), không bỏ dở công việc (78.9%) hoặc kiên trì và tích cực trong công việc (68.1%).

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số trí thức chưa thực sự nghiêm túc trong công việc, có những công việc chỉ thực hiện được nghiêm túc trong vài ba ngày (12.1%). Số người chưa thực sự ổn định trong công việc cũng chiếm tới 17.7%. Số người thể hiện mình không phải là người kiên trì trong công việc cũng chiếm tỷ lệ đáng kể (14.3%).

**Bảng 3: Đánh giá về tính bền vững của động cơ thành đạt**

| Nội dung các mệnh đề  | Tỷ lệ % số người lựa chọn các phương án trả lời |                        |                   |                  |                | ĐTB         | Độ lệch chuẩn |
|---|---|------------------------|-------------------|------------------|----------------|-------------|---------------|
|   | Không đúng                                      | Phản lớn là không đúng | Nửa đúng, nửa sai | Phản lớn là đúng | Hoàn toàn đúng |             |               |
| Nhận thấy tôi liên tục cố gắng trong công việc  | 3.3   | 3.2                    | 9.9               | 43.1             | 40.5           | 4.14        | 0.95          |
| Mọi người cho rằng tôi là người tích cực và kiên trì trong công việc  | 2.5   | 3.6                    | 28.5              | 45.6             | 19.7           | 3.76        | 0.89          |
| Tôi là người hay bỏ dở việc thực hiện một công việc nào đó*   | 48.2  | 31.6                   | 9.9               | 5.9              | 4.4            | 4.13        | 1.09          |
| Tôi không phải là người kiên trì trong công việc*   | 42.6  | 25.5                   | 17.6              | 10.3             | 4.0            | 3.92        | 1.17          |
| Mỗi khi bắt đầu một chương trình nào đó nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tôi thường chỉ thực hiện nghiêm túc được vài ngày* | 43.9  | 29.8                   | 14.3              | 8.2              | 3.9            | 4.02        | 1.12          |
| Tinh thần làm việc của tôi thay đổi thất thường*  | 34.9  | 29.7                   | 17.7              | 12.3             | 5.4            | 3.77        | 1.20          |
| Mỗi khi làm một công việc nào đó tôi luôn thực hiện đến cùng  | 1.6   | 1.9                    | 11.0              | 48.7             | 36.8           | 4.17        | 0.82          |
| <b>ĐTB thang đo</b>   |   |                        |                   |                  |                | <b>4.03</b> | <b>0.60</b>   |

*Ghi chú: Điểm trung bình được tính theo thang đánh giá từ 1 đến 5, trong đó 1 ứng với hoàn toàn không đúng; 5 ứng với hoàn toàn đúng. Những mệnh đề có dấu (\*) khi tính điểm trung bình đã được đổi điểm ngược lại so với các mệnh đề khác.*

### **3.3. Tính cạnh tranh trong công việc của trí thức**

Nếu phân chia sự cạnh tranh thành 2 loại: cạnh tranh mang ý nghĩa tích cực và cạnh tranh mang ý nghĩa tiêu cực hay còn gọi là cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh thì nghiên cứu này tập trung tìm hiểu những cạnh tranh mang ý nghĩa tích cực, lành mạnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhìn chung trí thức hiện nay có tính cạnh tranh trong công việc ở mức trung bình. Nếu xét cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau thì mức độ đánh giá về tính cạnh tranh được thể hiện như sau:

**Bảng 4: Đánh giá về tính cạnh tranh/ganh đua trong công việc**

| Nội dung các mệnh đề  | Tỷ lệ % số người lựa chọn các phương án trả lời |                        |                   |                  |                | ĐTB         | Độ lệch chuẩn |
|---|---|------------------------|-------------------|------------------|----------------|-------------|---------------|
|   | Không đúng                                      | Phản lớn là không đúng | Nửa đúng, nửa sai | Phản lớn là đúng | Hoàn toàn đúng |             |               |
| Thật dễ chịu khi thấy mình là người dẫn đầu   | 10.6  | 8.5                    | 25.4              | 25.8             | 29.7           | 3.55        | 1.28          |
| Khi làm việc tôi luôn cố gắng làm tốt hơn người khác  | 3.1   | 3.6                    | 24.5              | 44.9             | 23.9           | 3.83        | 0.94          |
| Tôi thích làm việc trong môi trường có tính cạnh tranh  | 4.8   | 8.5                    | 25.4              | 40.2             | 21.1           | 3.64        | 1.05          |
| Đối với tôi, thắng cuộc là quan trọng   | 19.0  | 19.4                   | 32.6              | 19.2             | 9.8            | 2.82        | 1.23          |
| Trong công việc tôi luôn cố gắng là người dẫn đầu   | 8.5   | 11.9                   | 32.5              | 35.4             | 11.8           | 3.30        | 1.09          |
| Mỗi khi bị thất bại trong công việc, tôi cảm thấy bất ổn vì thua kém người khác*                | 20.4  | 22.6                   | 26.3              | 21.0             | 9.7            | 3.23        | 1.26          |
| Trong công việc, tôi hay so sánh kết quả mà tôi đã đạt được với kết quả làm việc của người khác | 16.4  | 14.1                   | 27.4              | 30.7             | 11.4           | 3.07        | 1.25          |
| <b>ĐTB thang đo</b>   |   |                        |                   |                  |                | <b>3.34</b> | <b>0.59</b>   |

*Ghi chú: Điểm trung bình được tính theo thang đánh giá từ 1 đến 5, trong đó 1 ứng với hoàn toàn không đúng; 5 ứng với hoàn toàn đúng. Những mệnh đề có dấu (\*) khi tính điểm trung bình đã được đổi điểm ngược lại so với các mệnh đề khác.*

Khá nhiều trí thức có những biểu hiện cạnh tranh tích cực: 68.9% số người được hỏi cho rằng họ luôn cố gắng làm tốt hơn những người khác; 55.5% số người được hỏi cảm thấy dễ chịu khi mình là người dẫn đầu và 47.2% số người được hỏi cố gắng để trở thành người dẫn đầu. Không ít người trong số họ thích làm việc trong môi trường cạnh tranh (61.3%).

Tuy nhiên, không nhiều trí thức coi trọng sự ganh đua: chỉ 29% số người cho rằng thắng cuộc đối với họ là rất quan trọng, 30.7% cảm thấy bất ổn khi thua kém người khác và 42.1% thường hay so sánh kết quả của mình với kết quả của đồng nghiệp.

So sánh kết quả nghiên cứu này với kết quả nghiên cứu được tiến hành năm 2006 trên khách thể là những trí thức trẻ cho thấy, xu hướng thích làm việc trong môi trường cạnh tranh đã được tăng lên khá rõ rệt. Nếu như trong nghiên cứu năm 2006, xu hướng thích làm việc trong môi trường cạnh tranh của trí thức trẻ thể hiện qua ĐTB = 3.21 [Lã Thu Thủy, 2006] thì trong nghiên cứu này, giá trị ĐTB đã tăng lên là 3.64 trên toàn mẫu. Nếu so sánh trường hợp trí thức trẻ dưới 30 tuổi thì ĐTB của thang đo này còn tăng cao hơn nữa (3.71). Có thể những thay đổi trong môi trường làm việc do Việt Nam đã ngày càng mở cửa và hội nhập đã tạo ra những thay đổi này.

Tóm lại, khảo sát về động cơ thành đạt trong hoạt động nghề nghiệp của trí thức, chúng tôi thấy rằng phần lớn trí thức xác định khá rõ ràng mục tiêu hoạt động nghề nghiệp của bản thân, nỗ lực phấn đấu vì những mục tiêu đề ra. Tính bền vững của những nỗ lực đó khá tốt. Tuy nhiên, tính cạnh tranh không rõ nét.

## Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Thanh Hương (chủ biên), *Tính tích cực nghề nghiệp của công chức – một số nhân tố ảnh hưởng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
2. Lã Thị Thu Thủy (2006), *Nhu cầu thành đạt nghề nghiệp của trí thức trẻ*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học.
3. Số liệu khảo sát thực tiễn của Đề tài cấp Nhà nước "Nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế" do PGS. TS. Lê Thị Thanh Hương làm chủ nhiệm, Viện Tâm lý học chủ trì.